TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/10/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Mứt

Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Tổ 04, khóm 2, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Tổ 04, khóm 2, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày: Vào năm 1990 qua mai mối, bà B và ông Nguyễn Văn T tìm hiểu nhau và cả hai tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân Huyện Bình

Minh (Nay là thị xã Bình Minh), tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/9/1995. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ khi sinh con thứ hai cả hai thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, ông T cờ bạc không nghe lời khuyên của gia đình nên đã ly thân từ năm 1998 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn Th, sinh ngày 16/8/1991 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/11/1998 hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 95/2024/TB-TLVA ngày 28/3/2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 435/2024/TB-TA ngày 28/5/2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 620/2024/TB-TA ngày 04/9/2024; Thông báo số 621/2024/TB-TA ngày 04/9/2024 V/v có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (lần 1); Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/9/2024 và giấy triệu tập xét xử lần 1; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/10/2024 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng ông T không đến Toà án để cung cấp bản khai ý kiến và bản khai đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T; Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết; Về tài chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại khóm 2, phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 04/10/2024, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, ông T đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử lần 1 nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do. Sau đó, ông T đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/10/2024 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Sau khi tổ chức lễ cưới, bà B và ông T có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân Huyện Bình Minh (Nay là thị xã Bình Minh), tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/9/1995 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của bà B và ông T: Theo lời khai của bà B, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng từ khi sinh con thứ hai cả hai thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, ông T cờ bạc không nghe lời khuyên của gia đình nên đã ly thân từ năm 1998 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Toà án để trình bày ý kiến hoặc nộp bản khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do giữa bà B và ông T đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà B là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông T.

[2.2.] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà B và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Văn Th, sinh ngày 16/8/1991 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/11/1998 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà B và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Văn Th, sinh ngày 16/8/1991 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/11/1998 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền

nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012554 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh. Bà Nguyễn Thị B đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

6. Án xử công khai, bà Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T được nhận được nhận bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đương sự: 02;
- UBND thị xã Bình Minh, T. Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Thúy Quỳnh